



THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học:	2024-2025
Trường :	Tiểu học Ái Mộ B

	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4			Lớp 5						
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					
				Nữ	Dân tộc		Nữ	Dân tộc		Nữ	Dân tộc		Nữ	Dân tộc		Nữ	Dân tộc				
I. Kết quả học tập																					
1. Tiếng Việt																					
	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1
Hoàn thành tốt																					
		783	152	83	3	1	156	89	3	2	179	91	1		142	87	2	1	154	90	
Hoàn thành																					
		294	49	11	1		63	17	1	1	29	6			66	23	2	1	87	25	1
Chưa hoàn thành																					
		5	2	1			1				2										
2. Toán																					
	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1
Hoàn thành tốt																					
		797	173	87	4	1	186	93	4	3	141	69	1		143	76	2	1	154	77	
Hoàn thành																					
		277	28	7			34	13			66	28			62	34	2	1	87	38	1
Chưa hoàn thành																					
		8	2	1							3				3						
3. Đạo đức																					
	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1
Hoàn thành tốt																					
		790	142	80	2	1	172	100	4	3	155	85			162	89	3	2	159	92	
Hoàn thành																					
		291	60	15	2		48	6			55	12	1		46	21	1		82	23	1
Chưa hoàn thành																					
		1	1																		
4. Tự nhiên và Xã hội																					
	636	633	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1								
Hoàn thành tốt																					
		424	121	67	3	1	157	88	4	3	146	76									
Hoàn thành																					
		208	81	28	1		63	18			64	21	1								
Chưa hoàn thành																					
		1	1																		
5. Khoa học																					
	453	449													208	110	4	2	241	115	1
Hoàn thành tốt																					
		432													197	106	4	2	235	114	1
Hoàn thành																					
		17													11	4			6	1	
Chưa hoàn thành																					
6. LS&ĐL																					
	453	449													208	110	4	2	241	115	1
Hoàn thành tốt																					
		323													135	71	1	1	188	91	
Hoàn thành																					
		125													72	39	3	1	53	24	1
Chưa hoàn thành																					
		1													1						
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)																					
	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1



[illegible]

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5			
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
Chưa hoàn thành																						
II. Năng lực cốt lõi																						
Năng lực chung																						
Tự chủ và tự học	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		665	130	74	3	1	150	87	4	3	128	72			111	66	2	1	146	77		
Đạt		415	71	20	1		70	19			82	25	1		97	44	2	1	95	38	1	
Cần cố gắng		2	2	1																		
Giao tiếp và hợp tác	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		706	118	73	3	1	148	87	4	3	141	75			144	81	2	1	155	88		
Đạt		375	84	22	1		72	19			69	22	1		64	29	2	1	86	27	1	
Cần cố gắng		1	1																			
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		517	99	62	1	1	110	67	3	2	110	62			96	59	2	1	102	56		
Đạt		563	103	33	3		110	39	1	1	99	35	1		112	51	2	1	139	59	1	
Cần cố gắng		2	1								1											
Năng lực đặc thù																						
Ngôn ngữ	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		735	151	83	3	1	156	89	3	2	145	77			124	76	1	1	159	89		
Đạt		342	50	11	1		63	17	1	1	63	20	1		84	34	3	1	82	26	1	
Cần cố gắng		5	2	1			1				2											
Tính toán	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		800	170	87	4	1	186	93	4	3	141	69	1		142	76	2	1	161	82		
Đạt		274	31	7			34	13			66	28			63	34	2	1	80	33	1	
Cần cố gắng		8	2	1							3				3							
Tin học	665	659									210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		374									116	69			117	62	2	1	141	67		
Đạt		285									94	28	1		91	48	2	1	100	48	1	
Cần cố gắng																						
Công nghệ	665	659									210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		587									182	90	1		187	102	2	1	218	104	1	
Đạt		72									28	7			21	8	2	1	23	11		
Cần cố gắng																						

ĐỀ CƯƠNG CHẤM

	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5			
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
Khoa học	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		764	120	67	3	1	154	88	4	3	144	76			164	86	3	2	182	91		
Đạt		316	82	28	1		66	18			66	21	1		43	24	1		59	24	1	
Cần cố gắng		2	1												1							
Thảm mĩ	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		567	102	66	2	1	102	66	3	2	112	65			124	75	2	1	127	73		
Đạt		514	100	29	2		118	40	1	1	98	32	1		84	35	2	1	114	42	1	
Cần cố gắng		1	1																			
Thể chất	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		657	112	68	1	1	121	74	3	2	125	71			139	85	2	1	160	87		
Đạt		425	91	27	3		99	32	1	1	85	26	1		69	25	2	1	81	28	1	
Cần cố gắng																						
III. Phẩm chất chủ yếu																						
Yêu nước	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		1,048	199	95	4	1	220	106	4	3	209	97	1		198	106	4	2	222	107	1	
Đạt		34	4								1				10	4			19	8		
Cần cố gắng																						
Nhân ái	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		1,035	199	95	4	1	220	106	4	3	209	97	1		199	107	4	2	208	104		
Đạt		47	4								1				9	3			33	11	1	
Cần cố gắng																						
Chăm chỉ	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		644	127	73	3	1	144	84	3	2	128	71			115	70	2	1	130	72		
Đạt		436	74	21	1		76	22	1	1	82	26	1		93	40	2	1	111	43	1	
Cần cố gắng		2	2	1																		
Trung thực	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		883	125	75	3	1	206	103	4	3	181	91	1		183	100	3	2	188	97	1	
Đạt		198	77	20	1		14	3			29	6			25	10	1		53	18		
Cần cố gắng		1	1																			
Trách nhiệm	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1	
Tốt		707	104	64	2	1	143	84	3	2	135	75			151	91	3	2	174	98		
Đạt		373	98	31	2		77	22	1	1	74	22	1		57	19	1		67	17	1	

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4			Lớp 5						
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					
				Nữ	Dân tộc		Nữ dân tộc	Nữ		Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc		Nữ dân tộc	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		
Cần cố gắng		2	1							1											
IV. Đánh giá KQGD	1089	1,082	203	95	4	1	220	106	4	3	210	97	1		208	110	4	2	241	115	1
- Hoàn thành xuất		411	77	49	1	1	83	51	3	2	82	47			80	47	1	1	89	50	
- Hoàn thành tốt		41	5	3			15	11			9	7			6	5			6	3	
- Hoàn thành		621	119	42	3		121	44	1	1	116	43	1		119	58	3	1	146	62	1
- Chưa hoàn thành		9	2	1			1				3				3						
V. Khen thưởng		503	91	57	1	1	96	61	3	2	107	59			93	57	1	1	116	58	
- Giấy khen cấp trường		463	83	51	1	1	96	61	3	2	92	51			90	55	1	1	102	54	
- Giấy khen cấp trên		40	8	6							15	8			3	2			14	4	
VI. Chương trình lớp học	1089	1,089	203	95	4	1	221	106	4	3	212	98	1		211	110	4	2	242	115	1
Hoàn thành	1073	1,073	201	94	4	1	219	106	4	3	207	97	1		205	110	4	2	241	115	1
Chưa hoàn thành	16	16	2	1			2				5	1			6				1		